

Số: 501/BC-THAS

An Sinh, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024 - 2025

(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học An Sinh

2. **Địa chỉ:** Thôn Địa Mới - Xã An Sinh - Thị xã Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: (0203)3.671268

Website: <http://thansinh1@dongtrieu.edu.vn/>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều.

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu

Tầm nhìn: Một ngôi trường hạnh phúc. Nơi phụ huynh, học sinh tin cậy. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường học tập kỷ cương, tôn trọng, trách nhiệm, có chất lượng, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình, xây dựng nhà trường là trung tâm văn hóa của xã An Sinh.

Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường: Tình đoàn kết - Lòng nhân ái - Sự hợp tác - Tinh thần trách nhiệm - Tính trung thực - Tự hào.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học An Sinh được tách ra từ trường Phổ thông cơ sở An Sinh từ tháng 8 năm 2002. Hiện nay trụ sở chính của trường đặt tại thôn Địa Mới, 02 điểm lẻ gồm điểm trường Thành Long và điểm trường Bãi Dài. Trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1 và đạt chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 3 năm 2017; Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (mức độ cao nhất).

Từ lâu, trường Tiểu học An sinh đã là địa chỉ giáo dục tin cậy của nhân dân trên địa bàn xã. Song song với việc giáo dục đạo đức, giáo dục văn hóa, nhà trường luôn quan tâm đến việc tổ chức các hoạt động nhằm phát triển toàn diện về năng lực và phẩm chất cho học sinh; tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể, rèn luyện kỹ năng cho học sinh như: thi tìm hiểu luật ATGT, hoạt động ngoại khóa tuyên truyền kỹ năng phòng, chống đuối nước, phòng, chống thiên tai, phòng, cháy và chữa cháy; Tổ chức Tết Trung thu, Hội diễn văn nghệ, Tết yêu thương, Hội khỏe Phù Đổng, Ngày hội thiếu nhi vui khỏe, ... tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Kết quả giáo dục cuối năm học sinh lên lớp luôn đạt từ 99,2% đến 99,5%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học

đạt 100%. Học sinh tham gia các cuộc thi, giao lưu cấp thị xã hàng năm đạt từ 15 đến 30 học sinh.

Năm học 2024-2025 trường có 23 lớp với tổng số 555 học sinh. Điểm trường chính có 11 lớp với 304 học sinh, điểm trường Bãi Dài có 10 lớp, 214 học sinh, điểm trường Thành Long có 02 lớp, 37 học sinh.

Về đội ngũ: Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường hiện có 41, trong đó: BGH 03, giáo viên 35, nhân viên 03. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng, đồng đều về bộ môn. Các đồng chí trong ban giám hiệu đều có trình độ chuyên môn vững, có năng lực và nghiệp vụ quản lý nhiều năm, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc. Giáo viên đa số tuổi đời còn trẻ, có trình độ chuyên môn vững, nhiều giáo viên có kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp, trong công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các thầy cô đều có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, nhiệt huyết với nghề, tích cực học hỏi đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Về cơ sở vật chất: Các phòng học và phòng phục vụ học tập cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường. Các phòng học đều có kết nối mạng Internet, thiết bị dạy học hiện đại giúp giáo viên thuận tiện trong việc đổi mới phương pháp dạy học và giúp học sinh có phương tiện để tìm tòi, khám phá tri thức trong quá trình học tập.

Điểm trường chính:

Trường chính có 1 dãy phòng học 2 tầng gồm 12 phòng học. Các phòng học đều có đủ thiết bị dạy học hiện đại như ti vi, máy chiếu, màn chiếu, bảng, bàn ghế đạt chuẩn, có camera giám sát tại các phòng học.

Ngoài phòng học, nhà trường còn có phòng học trải nghiệm, phòng tin học, phòng học thông minh, phòng học ngoại ngữ đủ các thiết bị hiện đại để học sinh học và trải nghiệm. Phòng tin học có 12 máy vi tính có kết nối mạng Internet. Thư viện nhà trường được trang bị đầy đủ sách, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc dạy - học. Phòng y tế có đủ thiết bị, vật tư y tế và nhân viên kiêm nhiệm phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh và cán bộ, giáo viên.

Công trình vệ sinh luôn sạch sẽ, an toàn, thân thiện.

Sân chơi của học sinh đảm bảo đủ diện tích cho học sinh vui chơi, có khu vui chơi trải nghiệm do Sở GD&ĐT trang cấp năm 2019.

Điểm trường Bãi Dài:

Gồm 08 phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, thiết bị điện sáng và máy chiếu phục vụ cho hoạt động dạy - học. Phòng trải nghiệm và phòng học ngoại ngữ được bố trí phòng riêng có đủ thiết bị. Phòng tin học có 08 máy vi tính được kết nối mạng Internet phục vụ tốt cho việc học tin học. Các phòng học đều có camera giám sát.

Sân giáo dục thể chất đủ diện tích phục vụ cho hoạt động giáo dục thể chất tại điểm trường. Có khu vui chơi gồm các thiết bị trải nghiệm do Sở GD&ĐT trang cấp. Xung quanh trường có tường bao, cổng trường đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên.

Điểm trường Thành Long:

Điểm trường Thành Long có 02 phòng học là nhà xây kiên cố, diện tích 35 m²/1 phòng, có đủ thiết bị máy chiếu, bảng, bàn ghế đạt chuẩn. Có các công trình phụ trợ đầy đủ, sân chơi có thiết bị đồ chơi cho học sinh vui chơi đảm bảo an toàn.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Đoàn Thị Nhung Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đìa Mới - xã An Sinh - Thị xã Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: (0203)3.671268

Gmail: thansinh1@@dongtrieu.edu.vn

3. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học An Sinh được thành lập từ ngày 01/01/2020 theo Quyết định số 5041/QĐ-UBND của UBND thị xã Đông Triều ngày 12 tháng 12 năm 2019.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định (QĐ) số 1321/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND thị xã Đông Triều về việc kiện toàn Hội đồng trường đối với Trường tiểu học An Sinh, nhiệm kỳ 2020-2025.

Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường đối với trường Tiểu học An Sinh nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Đoàn Thị Nhung	Hiệu trưởng	TH An Sinh	CTHĐ	
2	Phạm Thị Phụng	P. Hiệu trưởng chủ tịch công đoàn	TH An Sinh	PCTHĐ	
3	Chu Văn Sơn	P. Hiệu trưởng	TH An Sinh	PCTHĐ	
4	Nguyễn Thị Thoa	Tổ trưởng TVP	TH An Sinh	Thư ký	
5	Nguyễn Đức Đăng	P. Chủ tịch phường	UBND xã	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Nga	TPCM 1	TH An Sinh	Thành viên	
7	Đào Thị Thu Thảo	TPCM 2+3	TH An Sinh	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Vân Anh	TTCM 4-5	TH An Sinh	Thành viên	
9	Phan Thị Quyên	Bí thư ĐTN	TH An Sinh	Thành viên	
10	Trần Thị Thắm	Đại diện CMHS	TH An Sinh	Thành viên	

11	Nguyễn Thị Hưng	TPTĐ	TH An Sinh	Thành viên	
----	-----------------	------	------------	------------	--

Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Quyết định số 5046/QĐ-UBND ngày 14/12/2019 của UBND thị xã Đông Triều về việc điều động, bổ nhiệm lãnh đạo quản lý đối với đồng chí Đoàn Thị Nhung - Hiệu trưởng.

Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của UBND thị xã Đông Triều về việc điều động, bổ nhiệm lãnh đạo quản lý đối với đồng chí Nguyễn Thị Thảo - Phó Hiệu trưởng.

Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thị xã Đông Triều về việc Điều động, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý đối với đồng chí Phạm Thị Phương - Phó Hiệu trưởng.

Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học An Sinh

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học An Sinh là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ

chức và cá nhân trong các HDGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục
- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: 01 chi bộ gồm 34 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn: 40 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn đội: 13 lớp sao nhi đồng và 10 chi đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Đoàn Thị Nhung	Hiệu trưởng	0772398658	th.as.dtnhung@dongtrieu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thảo	Phó hiệu trưởng	0364834368	th.tl.ntthao@dongtrieu.edu.vn
3	Phạm Thị Phương	Phó hiệu trưởng	0978901023	th.as.ptphuong@dongtrieu.edu.vn

3. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Ghi chú
			ĐH	CD	Dưới TC	
	Tổng số GV, CBQL và NV	41	39	2	0	
I	Giáo viên	36	36			
1	Giáo viên văn hóa	27	27			
2	Ngoại ngữ	3	3			
3	Âm nhạc	1	1			
4	Mĩ Thuật	2	2			
5	Thể dục	2	2			
6	Tin học	0	0			
7	Tổng phụ trách đội	1	1			GV Âm nhạc
II	Cán bộ quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	P. Hiệu trưởng	2	2			
III	Nhân viên	3				
1	Nhân viên y tế	1				Kiểm nhiệm thủ quỹ, văn
2	Nhân viên kế toán	1				
3	Nhân viên TV-TB	1	1			
4	Nhân viên bảo vệ-	7				

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp - Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá: Tốt

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 40/40 =100% trong đó BGH: 03,GV: 34, Nhân viên: 03.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất STT	Các hạng mục công trình	Số lượng				So sánh với yêu cầu tối thiểu
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhà mượn tạm	
1	Khối phòng học tập					
1.1	Phòng học	23	23			
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc					
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật					
1.4	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ	2	2			
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	2	2			
1.6	Phòng học đa chức năng					
2	Khối phòng học					
2.1	Thư viện	1	1			
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	1			
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ Giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập					
2.4	Phòng truyền thống và hoạt động Đội	1	1			
3	Khối phòng hỗ trợ học tập					
3.1	Phòng họp	1	1			
3.2	Phòng Y tế trường học	2	2			
3.3	Nhà kho	1				
3.4	Khu để xe học sinh	2		2		
3.5	Khu vệ sinh học sinh	2	2			
3.6	Phòng giáo viên	2	2			
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	1				
3.8	Nhà công vụ cho giáo viên	0				
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao					

4.1	Sân trường	2				
4.2	Sân thể dục thể thao	1				
4.3	Nhà đa năng	0				
5	Tổng diện tích đất(m²)	18.855 m				
6.1	Tổng số TBDHTT hiện có theo quy định	1079				
6.1.1	Khối lớp 1	977				
6.1.2	Khối lớp 2	46				
6.1.3	Khối lớp 3	0				
6.14	Khối lớp 4	0				
6.15	Khối lớp 5	56				
6.2	Tổng số TBDHTT còn thiếu so Theo quy định					
6.2.1	Khối lớp 1	0				
6.2.2	Khối lớp 2	0				
6.2.3	Khối lớp 3	15				
6.2.4	Khối lớp 4	0				
6.2.5	Khối lớp 5	0				
7	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ)	6				
8	Tổng số thiết bị dùng chung					
8.1	Ti vi	12				
8.2	Cát sét	2				
8.3	Dầu Video/đầu đĩa	0				
8.4	Phòng chiếu	13				
8.5	Máy chiếu đa năng	11				
8.6	Máy chiếu gần	1				
8.7	Máy chiếu vật thể	1				
8.8	Máy in	6				
8.9	Máy tính để bàn	5				
8.10	Máy tính xách tay	3				

8.11	Máy phô tô	1				
8.12	Loa kéo	3				
8.13	Thiết bị kết nối học sinh học Tiếng Anh	2				
8.14	Máy Scan	2				
8.15	Máy ảnh	0				
9	Nguồn nước sinh hoạt hợp vs	3				
10	Nguồn điện lưới	3				
11	Kết nối Internet	3				
12	Trang Thông tin điện tử (website) của trường	1				
13	Tường rào					

***Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**
-Sách giáo khoa lớp 5

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán5	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm
2	Tiếng Việt 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh cảm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo Dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (1 ông Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	NXB Giáo dục Việt Nam
		'phầnĐL),Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần ĐL), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.		
5	Khoa học 5	1 Cánh diều 1	Mai Sỹ Tuấn (1 ông chủ biên), Bui Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị 1 hanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	NXB Đại học Sư phạm

6	Đạo đức 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Loan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
8	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên); Phạm Đình Bình (Chủ biên); Nguyễn Thị Huyền- Nguyễn Hải Kiên	NXB Giáo Dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mai Thị Ngọc Bích (Chủ biên) Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị 'Phu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
10	Tin học	Tin học 5 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	NXB Đại học sư phạm
11	Công nghệ	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Nguyễn Thanh Trịnh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 5 English Discover	Tác giả: Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Cao Thúy Hồng	NXB Đại học Sư phạm

- Sách giáo khoa lớp 4

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đồ Hồng Dương, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán	Toán 4 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
			Tập 2: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Lữ Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 1	Lịch sử và Địa lí 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phần Lịch sử: Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt), Nghiêm Dinh Vỹ (Tổng chủ biên) Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên), Đào Hồng Lê, Lê Thị Thu Hương.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
			Phần Địa lý: Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên) Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	
5 ¹	Khoa học	Khoa học Cánh diều)	Tác giả: Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

6	Tin học	Tin học 4 (Cánh diều)	HỒ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Công Nghệ	Công Nghệ 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 4 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Phương Mai.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
10	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 4 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền. Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 4	Tập 1: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Luân (Chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền. Đào Ngọc Lộc, Trần Thị Lương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
			Tập 2: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Luân (Chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Thị Lương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản GD Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 3

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Ilùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 3 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái(Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn. Tập 2: Đỗ Đức Thái(Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt(Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 3(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam(Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn(Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Tin học	Tin học 3(Cánh diều)	Hồ Sĩ Dàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thúy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thùy	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Công Nghệ	Công Nghệ 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên),Đổng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

7	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 3 (Cánh điều)	Lưu Quang Hiệp(Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Âm nhạc	Âm nhạc 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
9	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 3 (Cánh Điều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh	I iếng Anh 3(Global Success)	Tập 1: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập 2: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa Lớp 2

Stt	Môn/HĐGI)	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 2 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
			Tập 2: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Tự nhiên và xã hội	Tự nhiên và Xã hội 2 (Cánh Diều)	Mai Sỹ 1 uân (1 ong Chủ biên). Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng I hanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất ban Đại học Su phạm

5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 2 (Cánh điều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 2 (Cánh Điều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hai Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên. Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 1

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt		Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (rông Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh cảm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào nn A lâm.	Nhà xuất ban GD Việt Nam
		Tiếng Việt 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh cảm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán		Tập 1: Đỗ Đức Thái(Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt(Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất ban Đại học Sư phạm
		Toán 1 (Cánh diều)	Tập 2: Đỗ Đức Thái(Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt(Chủ biên), Nguyễn 1 loài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất ban Đại học Sư phạm
	Đạo đức	Đạo đức 1(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan(I ồng Chủ biên), Trần Thành Nam(Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bán Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	1 ự nhiên và Xã hội 1 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chu biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng 1 hanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất ban Đại học Sư phạm

5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 1 (Cánh điều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Âm nhạc 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 1 (Cánh Điều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

I. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư 17/2018/TT-BGDDĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường tiêu học đạt Chuẩn quốc gia.

Hội đồng tự đánh giá thực hiện công tác tự đánh giá hằng năm.

Sau đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài năm 2017, các điểm yếu và kế hoạch cải tiến chất lượng của 27 tiêu chí đã được nhà trường thực hiện thường xuyên bằng nhiều biện pháp. Đến thời điểm hiện tại, cơ bản các điểm yếu đã được khắc phục.

2. Kết quả đánh giá ngoài:

- Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 1612/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 3 giai đoạn 2017- 2022 theo Quyết định số 1865/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

- Dự kiến tháng 5 năm 2025 đánh giá ngoài để đề nghị công nhận lại trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá: 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	X			
Tiêu chí 3.2	X			
Tiêu chí 3.3		X	X	

Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.6		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Không đạt

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh: Hội đồng trường quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển sinh năm học 2024- 2025 (Quyết định phê duyệt Kế hoạch số 334/KH- HĐT-THAS ngày 15/6/2024 của trường Tiểu học An Sinh)

Đối tượng tuyển sinh:

- Trẻ em 6 tuổi (sinh năm 2018);
- Trẻ em khuyết tật, kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, trẻ em ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.
- Trường hợp trẻ em vào học lớp một vượt quá 03 tuổi so với quy định do Trường phòng GDĐT quyết định (không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1).

Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Số lớp: 04 lớp
- Số học sinh: 88 học sinh

Thời gian tuyển sinh:

- Từ ngày 08/7/2024 đến hết ngày 10/7/2024.
- Buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ' 00 phút
- Buổi chiều: từ 14 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 có 25 lớp với tổng số học sinh là:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
1	117	5	49	4	
2	96	5	48	4	
3	124	5	49	2	
4	126	5	60	3	
5	126	5	62	3	
Tổng	589	25	268	16	

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	117	5	12
2	96	1	2
3	124	3	1
4	126	2	2
5	126	2	4
Toàn trường	589	13	21

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	98	0	0
2	112	0	1
3	96	0	0
4	124	0	1
5	125	1	0
Toàn trường	555	1	1

3. Kết quả thực hiện chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

3.1. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT; Công văn số Công văn số 1355/PGD&ĐT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2023 -2024; Công văn số 1292/PGD&ĐT ngày 16/8/2023 của Phòng GD&ĐT Đông Triều V/v thực hiện khung thời gian năm học 2023-2024;

Xây dựng kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4 và chương trình GDPT 2006 đối với lớp 5. Trong đó có bổ sung những nội dung có liên quan ở lớp học dưới; tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đảm bảo

hiệu quả; huy động sự tham gia của các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường trong thực hiện kế hoạch giáo dục.

3.2. Việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông:

** Đối với các lớp 1, 2, 3,4 (Thực hiện Chương trình GDPT 2018)*

a) Công tác chỉ đạo:

Thực hiện đúng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đã xây dựng: Dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình GDPT 2018, cụ thể như sau:

- Lớp 1 dạy tổng số 32 tiết: 25 tiết bắt buộc theo chương trình, 7 tiết tăng cường gồm: 2 tiết Toán và 5 tiết Tiếng Việt.
- Lớp 2 dạy tổng số 32 tiết: 25 tiết bắt buộc, 07 tiết tăng cường gồm: 3 tiết Toán và 4 tiết Tiếng Việt.
- Lớp 3 dạy tổng số 32 tiết: 28 tiết bắt buộc, 04 tiết tăng cường gồm: 2 tiết Toán và 02 tiết Tiếng Việt.
- Lớp 4 dạy tổng số 32 tiết: 30 tiết bắt buộc và 2 tiết tăng cường Toán và Tiếng Việt.
- Chỉ đạo việc xây dựng lịch báo giảng và xây dựng kế hoạch bài dạy và phê duyệt hằng tuần từ cuối tuần trước (thứ Năm hoặc thứ Sáu) trên phần mềm.
- Nhà trường bố trí đủ 01 phòng học/1 lớp với sĩ số không quá 35 em/lớp. Lớp 1 đã có đủ thiết bị dạy học tối thiểu được quy định. Đối với lớp 2, 3, 4 tận dụng thiết bị dạy học của chương trình cũ và giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học nên cũng đảm bảo đủ TBDH để phục vụ giảng dạy và học tập.

b) Kết quả thực hiện

- Hằng tuần giáo viên lên lịch báo giảng và xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo đúng thời gian, đúng chương trình; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng duyệt kịp thời; 100% giáo viên soạn bài duyệt giáo án online.
- Trong năm đã tổ chức được 06 chuyên đề cấp trường về đổi mới phương pháp dạy học đối với khối lớp 1,2,3,4 gồm: 01 chuyên đề Dạy học tích hợp GDĐP trong chương trình môn Lịch sử & Địa lí lớp 4; 01 chuyên đề Sinh hoạt lớp theo chủ điểm Ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 3; 01 chuyên đề Thăng bằng động. Rèn luyện kỹ năng thăng bằng một chân cúi chạm vật chuẩn. lớp 4; 01 chuyên đề Tích hợp bài học stem trong dạy học môn Toán lớp 3; 01 chuyên đề Tích hợp bài học stem trong dạy học môn Toán lớp 1; 01 chuyên đề vận dụng các trò chơi trong giờ học môn Toán để tạo hứng thú cho học sinh lớp 3.
- Học sinh thi viết chữ đẹp cấp trường có 138 em đạt giải viết chữ đẹp cấp trường, tăng 11 em so với năm học 2022-2023; 8 em đạt giải thi viết chữ đẹp cấp thị xã.

** Xếp loại về các môn học và hoạt động giáo dục khối 1,2,3,4 (Đánh giá theo Thông tư 27/2020 của Bộ GD&ĐT).*

Xếp loại giáo dục	Tổng số học sinh	Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
-------------------	------------------	---------------------	----------------	------------	-----------------

		Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %
Lớp 1	117	46	39,3	40	34,2	27	23,1	4	3,4
Lớp 2	96	32	33,3	37	38,6	27	28,1	0	0
Lớp 3	124	34	27,4	49	39,5	41	33,1	0	0
Lớp 4	126	34	27	51	40,5	41	32,5	0	0
Tổng	463	146	31,5	177	38,2	136	29,4	4	0,9

- Đánh giá so với năm học 2022-2023: Khối lớp 1 có 113/117 học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 96,6%, giảm 0,3% so với năm học trước (có 4 học sinh ở lại lớp, trong đó có 3 học sinh khuyết tật); học sinh khối lớp 2,3,4 hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%, bằng so với năm học trước. Đạt chỉ tiêu đầu năm.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

- Học sinh học ở 3 điểm trường nên có một số hoạt động giáo dục tập thể phải tổ chức ở 3 nơi chưa được tập trung.

- Một số phụ huynh học sinh chưa phối hợp kịp thời với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh, một số học sinh khuyết tật tăng động nên cũng có ảnh hưởng đến công tác giáo dục chung của lớp.

d) Giải pháp khắc phục

Nhà trường đã bố trí, sắp xếp đội ngũ phù hợp với chuyên môn và sở trường công tác của giáo viên; tuyên truyền tới CMHS trong các cuộc họp CMHS quan tâm phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh; CBQL nhà trường thường xuyên trao đổi với giáo viên, có biện pháp hỗ trợ giáo viên động viên kịp thời, động viên giáo viên khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

** Đối với các lớp 5 (Thực hiện Chương trình GDPT 2006)*

a) Công tác chỉ đạo

- Thực hiện dạy đủ các môn học và HĐGD bắt buộc theo Chương trình GDPT 2006 đối với lớp 5 theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT; Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh từ năm học 2017-2018 (có hướng dẫn bổ sung tại công văn số 5131/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2017).

- Lớp 5 dạy tổng số 32 tiết: 30 tiết bắt buộc và 02 tiết Tin học tự chọn.

b) Kết quả thực hiện

Khối 5. (Đánh giá theo thông tư 22/2016 - BGD&ĐT)

* Xếp loại về các môn học khối 5

Môn	Tiếng Việt	Toán	Khoa học	LS ĐL	TA	Tin	Đạo đức	ÂN	MT	Kĩ thuật	T.đục
TS HS	126	126	126	126	126	126	126	126	126	126	126
HT tốt	49	80	67	54	44	70	97	78	81	108	89
<i>Tỉ lệ %</i>	38,9	63,5	52,3	42,9	34,9	55,6	77	61,9	64,3	85,7	70,6
HT	77	46	61	72	82	56	29	48	45	18	37
<i>Tỉ lệ %</i>	61,1	36,5	47,7	57,1	65,1	44,4	23	38,1	35,7	14,3	29,4
Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

* Xếp loại về năng lực, phẩm chất.

Xếp loại	Năng lực			Phẩm chất			
	Tự phục vụ, tự quản	Hợp tác	Tự học và GQVĐ	Chăm học, chăm làm	Tự tin, trách nhiệm	Trung thực, kỷ luật	Đoàn kết, yêu thương
TS HS	126	126	126	126	126	126	126
Tốt	102	93	83	80	89	108	119
<i>Tỉ lệ %</i>	81	73,8	65,9	63,5	70,6	85,7	94,4
Đạt	24	33	43	46	37	18	7
<i>Tỉ lệ %</i>	19	26,2	34,1	36,5	29,4	14,3	5,6
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0

- Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 126/126 -100%, bằng so với năm học trước.

Trong năm đã tổ chức được 1 chuyên đề cấp trường, 1 chuyên đề cấp tổ đối với khối lớp 5; tổ chức cho học sinh đi tham quan trải nghiệm tìm hiểu về Quân đội nhân dân Việt Nam nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam năm 2023; tổ chức hoạt động hướng nghiệp giáo dục nghề truyền thống của địa phương qua việc tham quan trải nghiệm mô hình na Vietgap tại xã An Sinh.

Khối lớp 5 có 40 em đạt giải Hội thi viết chữ đẹp cấp trường, có 02 em đạt giải thi viết chữ đẹp cấp thị xã; số học sinh đạt giải thi cấp thị xã bằng so với năm học 2022-2023.

c) *Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện*

Một số học sinh chưa tích cực trong học tập, một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm phối hợp với giáo viên kịp thời trong công tác giáo dục nên giáo viên còn gặp khó khăn trong công tác phụ đạo học sinh chậm tiến bộ.

d) *Giải pháp khắc phục*

Lãnh đạo nhà trường tiếp tục quan tâm tạo điều kiện cho giáo viên bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; cán bộ quản lý (CBQL) phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực và sở trường công tác của giáo viên; tăng cường công tác tuyên truyền, phối hợp với Ban đại diện CMHS trường để tuyên truyền tới CMHS các lớp quan tâm, đôn đốc việc học tập của con em mình hơn.

3.3. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1, Tin học

3.3.1. Tổ chức dạy các môn Ngoại ngữ 1

a) Công tác chỉ đạo

- 100% học sinh lớp 3, 4, 5 được học tiếng Anh với thời lượng 04 tiết/tuần. Giáo viên dạy tiếng Anh đã sử dụng có hiệu quả phòng học tiếng Anh (ở điểm trường Bãi Dài), tích cực sử dụng TBDH, đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng CNTT, các phần mềm, sách mềm vào giảng dạy, đánh giá học sinh đúng quy định.

- Tài liệu giảng dạy: Lớp 3,4 sử dụng tài liệu Tiếng Anh 3, 4 (Global Success) của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam do Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên); Lớp 5 sử dụng bộ tài liệu Tiếng Anh 5 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam do Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên).

b) *Kết quả thực hiện:* Tỷ lệ học sinh được học Ngoại ngữ 1 từng khối lớp như sau:

- Đối với các lớp 1, 2: 0
- Đối với các lớp 3, 4: 100%.
- Đối với lớp 5: 100%.

Trong năm học đã thành lập 01 câu lạc bộ tiếng Anh phân công đồng chí Trần Thị Oanh và đồng chí Nguyễn Thị Phương phụ trách, có 25 học sinh tham gia câu lạc bộ; chỉ đạo giáo viên sử dụng triệt để phòng học ngoại ngữ và các thiết bị dạy học môn ngoại ngữ, đồng thời yêu cầu giáo viên và học sinh tự làm thêm một số thiết bị đơn giản để nâng cao chất lượng dạy học.

- Tổ chức 01 chuyên đề môn Tiếng Anh cấp trường vào tháng 12/2023 về ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học môn Tiếng Anh lớp 3.

- Học sinh tham gia giao lưu ngày Hội tiếng Anh cấp thị xã đạt giải Khuyến khích phần thi tài năng và giải Khuyến khích đồng đội.

- Học sinh tham gia dự thi tiếng Anh trên mạng (IOE) cấp trường có 03 giải Nhất, 08 giải Nhì, 10 giải Ba, 13 giải Khuyến khích.

- Học sinh thi IOE cấp thị xã có 13 em đạt giải, trong đó 2 giải Ba, 11 giải Khuyến khích.

- Học sinh dự thi "Vì Quảng Ninh giỏi Tiếng Anh" có 73 học sinh đạt giải cấp trường; 32 em đạt giải cấp thị xã; 24 em đạt giải cấp tỉnh.

- Kết quả học sinh đạt giải cấp thị xã so với chỉ tiêu đặt ra đầu năm.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Số học sinh tham gia CLB tiếng Anh còn ít, chất lượng sinh hoạt CLB tiếng Anh chưa đạt kết quả cao.

Học sinh lớp 1, lớp 2 chưa được học chương trình làm quen tiếng Anh.

Nguyên nhân: Học sinh học môn tiếng Anh khó nên không thích tham gia CLB, nhiều gia đình học sinh chưa quan tâm đúng mức đến vai trò của CLB tiếng Anh nên chưa cho con tham gia CLB; nhà trường chưa bố trí được giáo viên dạy môn Tiếng Anh cho học sinh lớp 1,2 do thiếu giáo viên.

d) Giải pháp khắc phục

Năm học tới nhà trường tiếp tục vận động học sinh tham gia câu lạc bộ tiếng Anh; tiếp tục thực hiện tốt hơn công tác tuyên truyền trong CMHS về vai trò của môn tiếng Anh; yêu cầu giáo viên dạy tiếng Anh cần đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt CLB tiếng Anh để thu hút học sinh hơn; tiếp tục tham mưu với cấp trên bố trí đủ giáo viên để sắp xếp cho giáo viên tiếng Anh dạy tiếng Anh cho học sinh lớp 1, 2.

3.3.2. Tổ chức dạy Tin học

a) Công tác chỉ đạo

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 293/KH-THAS ngày 28/8/2023 về kế hoạch dạy học môn tin học năm học 2023-2024, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy môn tin học đảm bảo đúng chương trình, đúng tiến độ; trong năm học đã hợp đồng thỉnh giảng với giáo viên dạy tin học dạy cho học sinh lớp 3,4,5; lớp 3,4 học chương trình tin học bắt buộc theo chương trình phổ thông 2018 học 1 tiết/tuần; lớp 5 học tin học tự chọn 2 tiết/tuần; lãnh đạo nhà trường thường xuyên dự giờ, giám sát việc dạy học môn tin học.

b) Kết quả thực hiện: Tỷ lệ học sinh được học Tin học từng khối lớp

- Đối với các lớp 1, 2: 0
- Đối với các lớp 3, 4: 100%
- Đối với lớp 5: 100%.

Nhà trường đã bố trí 2 phòng máy tính để phục vụ cho việc học thực hành môn tin học, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy tính phòng tin phục vụ kịp thời cho việc dạy - học; giáo viên thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng các phần mềm trong dạy học và tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh cuối năm học trên phần mềm hiệu quả. Nhà trường đã tuyển chọn học sinh tham gia đội tuyển thi tin học trẻ cấp thị xã năm 2024, có 06 học sinh dự thi bảng A, có 04 học sinh đăng ký dự thi bảng D1 với 2 phần mềm.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Nhà trường chưa có biên chế giáo viên dạy tin học nên chưa chủ động trong việc bố trí, sắp xếp giáo viên, chưa tổ chức cho học sinh lớp 1,2 được học chương trình làm quen với Tin học do không có giáo viên dạy.

Phòng tin học ở trường chính chật hẹp, đã bị xuống cấp.

d) Giải pháp khắc phục

Trong năm học tới nhà trường tiếp tục tham mưu với cấp trên bổ sung thêm biên chế giáo viên dạy tin học.

3.4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018

a) Công tác chỉ đạo

Căn cứ khung nội dung và Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh dành cho từng lớp, nhà trường đã lựa chọn nội dung, xây dựng kế hoạch dạy học theo tuần, tháng, kế hoạch bài học theo các chủ đề để tổ chức dạy học tích hợp trong hoạt động trải nghiệm, các môn học và hoạt động giáo dục cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 4; lớp 5 dạy tiết Lịch sử & Địa lý địa phương.

b) Kết quả thực hiện

Căn cứ khung nội dung và Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh dành cho từng lớp, nhà trường đã lựa chọn nội dung, xây dựng kế hoạch dạy học theo tuần, tháng, kế hoạch bài học theo các chủ đề để tổ chức dạy học tích hợp trong hoạt động trải nghiệm, các môn học và hoạt động giáo dục trong với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị, địa phương; phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển, nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh.

Xây dựng kế hoạch lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào các môn học và Hoạt động giáo dục đảm bảo theo yêu cầu:

Tổ chức thực hiện theo từng chủ đề/mạch kiến thức đã được thiết kế trong Tài liệu giáo dục địa phương với hình thức linh hoạt, phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường xây dựng trong từng năm học.

Chọn nội dung/mạch kiến thức phù hợp, thực hiện tích hợp, lồng ghép, bổ sung, thay thế trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và được thể hiện trong kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục.

Chọn chủ đề, nội dung phù hợp để xây dựng các hoạt động giáo dục tập thể, kết hợp học tập trên lớp với hoạt động trải nghiệm, thực hành, tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu, thực hiện dự án, hoạt động phục vụ cộng đồng, hoạt động tình nguyện,...nhằm gắn lý luận với thực tiễn, tạo hứng thú học tập cho học sinh; nâng cao hiểu biết về thời sự, văn hóa, lịch sử, kinh tế xã hội, giúp học sinh phát huy năng lực đã đạt được trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn địa phương.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Tài liệu giáo dục địa phương khi chưa xuất bản, giáo viên và học sinh phải tạm thời dùng bản điện tử để triển khai dạy và học.

d) Giải pháp khắc phục

Nhà trường in tài liệu giáo dục lịch sử địa phương cho GV sử dụng trong thời gian chưa có sách từ nhà xuất bản và sử dụng sách điện tử để giảng dạy.

- 100% giáo viên thực hiện giảng dạy tài liệu giáo dục địa phương ở các khối lớp theo quy định, dạy đúng nội dung, địa chỉ tích tích hợp đã lựa chọn từ đầu năm học; nhà trường đã tổ chức học sinh trải nghiệm mô hình na Vietgap tại xã An

Sinh với mục đích giáo dục ngành nghề truyền thống của địa phương.

- Tổ chức 01 chuyên đề cấp trường tích hợp GD địa phương trong môn Lịch sử & Địa lý lớp 4 vào tháng 01/2024.

3.5. Triển khai giáo dục STEM

a) Công tác chỉ đạo

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục Stem và triển khai tới giáo viên từ đầu năm trên cơ sở thống nhất từ các tổ chuyên môn.

- GV xây dựng kế hoạch, nhà trường tổ chức tập huấn nội dung về giáo dục STEM cho giáo viên từ đầu năm học, chỉ đạo lồng ghép nội dung về giáo dục STEM trong các buổi sinh hoạt chuyên môn; phân công giáo viên tham gia đầy đủ các chuyên đề, các buổi dạy thực nghiệm do trường, cụm chuyên môn hay Phòng GD&ĐT tổ chức.

- Tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động giáo dục STEM.

b) Kết quả thực hiện

Tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, dạy theo chủ đề, lồng ghép trong các môn học phù hợp với từng bài, phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Triển khai thực hiện giáo dục STEM phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương. Trang bị cho học sinh những kỹ năng mềm như tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng giao tiếp,... Thông qua các trò chơi đồng đội, các hoạt động đội nhóm thực hành, hoàn thành một sản phẩm, một thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của thầy cô.

Học sinh biết cách trình bày, thuyết trình để sản phẩm của mình hấp dẫn, cuốn hút và thuyết phục thầy cô cùng bạn bè trong lớp. nâng cao sự gắn kết và đoàn kết với bạn bè, giúp học sinh phát triển được khả năng tư duy và sự sáng tạo của mình.

Đã tổ chức được 01 CLB Stem, phân công đồng chí Đào Thị Thu Thảo phụ trách, hướng dẫn học sinh tham gia.

Tổ chức 2 tiết chuyên đề cấp trường về tích hợp giáo dục Stem. Học sinh có 02 sản phẩm tham gia triển lãm tại Chuyên đề GD Stem cấp thị xã và có 2 sản phẩm tham gia tại Hội thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp thị xã.

Trong năm học đã triển khai được 19 bài học Stem.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

- Chất lượng giáo dục Stem chưa cao, một số học sinh chưa có tinh thần hợp tác khi tham gia tiết học Stem; chưa có nhiều ý tưởng sáng tạo.

- Nguyên nhân của hạn chế: Giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong giáo dục Stem do đó chưa khơi gợi được ở học sinh sự ham thích tiết học Stem.

d) Giải pháp khắc phục

Tiếp tục bồi dưỡng về phương pháp dạy Stem cho giáo viên qua việc tổ chức các chuyên đề, khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng về phương pháp giáo dục Stem.

3. Một số hoạt động khác theo nhu cầu

3.1. Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày

a) Công tác chỉ đạo

Nhà trường xây dựng kế hoạch, chương trình dạy học và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5. Tổ chức hướng dẫn cho học sinh hoàn thành bài học ở trên lớp, không giao bài về nhà cho học sinh học 2 buổi/ngày; chuyên môn trường đã thống nhất với các tổ chuyên môn về nội dung tăng cường học Toán và Tiếng Việt cho học sinh các khối lớp, sau đó triển khai thống nhất về nội dung dạy cho GV toàn khối. BGH kiểm tra, duyệt báo giảng và giáo án của giáo viên hằng tuần, kiểm tra trực tiếp việc thực hiện chương trình trên lớp của giáo viên thường xuyên. Lớp 1,2 tăng cường 7 tiết/tuần; lớp 3 tăng cường 4 tiết/tuần, lớp 4 tăng cường 2 tiết/tuần; lớp 5 học tự chọn thêm 2 tiết Tin học.

b) Kết quả thực hiện

Đã tổ chức cho 24/25 lớp được học 2 buổi/ngày với tổng số 579/ 588 học sinh đạt 98,5%, so với năm học 2022-2023 tăng 34,2%. So với kế hoạch đầu năm nhà trường đã bố trí dạy học 2 buổi/ngày vượt chỉ tiêu đề ra 34,7% (chỉ tiêu đề ra 100% lớp 3,4,5 học 2 buổi/ngày).

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

- Còn 1 lớp 2 ở điểm Thành Long có 9 học sinh chưa tổ chức học 2 buổi/ngày.

- Nguyên nhân: Trường thiếu giáo viên.

d) Giải pháp khắc phục

Nhà trường tiếp tục đề nghị bổ sung thêm 01 hợp đồng giáo viên văn hóa và năm học 2024-2025 sẽ dồn lớp về trường chính học để đảm bảo 100% học sinh được học 2 buổi/ngày.

4. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học: Năm học 2023- 2024: 126.

- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào lớp 6: 126

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Căn cứ kế hoạch dự toán thu-chi năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-PGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023.

***) Nguồn ngân sách:** ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	
1	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	-

a	1 học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.828.290.000
3.11	Chi thanh toán cá nhân	5.613.805.884
3.12	Chi hoạt động	1.214.484.116
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	480.309.492
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	
3.2.2	Chi phí học tập	66.460.000
3.2.3	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	242.302.300
3.2.4	Thuê lao động trong nước (bao vệ, vệ sinh...)	94.120.000
3.2.5	Chi khác	77.427.192

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	22	13.050.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	23	18.750.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2023-2024			
1	Bảo hiểm y tế	Đồng/học sinh/tháng	Theo công văn số 2254/BHXH-QLTST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của BHXH tỉnh Quảng Ninh	
3	Tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú	Đồng/học sinh/tháng	115.000 đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 - HĐND
4	Tiền ăn	Đồng/học sinh/bữa	24.000đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 - HĐND
5	Tiền nước uống (học 2 buổi/ngày)	Đồng/học sinh/tháng	10.000đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 - HĐND
5	Tin học	Đồng/học sinh/tháng	4.500đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 - HĐND
6	Tiền chi phí sử dụng điện máy điều hoà lớp học	Đồng/học sinh/tháng		Theo chi số công tơ thực tế
	Năm học 2024-2025			

1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	1 heo công văn của BHXII thị xã Đông Triều	
2	Tiền nước uống (học 2 buổi/ngày)	đồng/học sinh/năm học	10.000đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 - HĐND
3	Tiền chi phí sử dụng điện máy điều hoà lớp học	Đồng/học sinh/tháng		Theo chỉ số công tơ thực lê
	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Tiền nước uống (học 2 buổi/ngày)	đồng/học sinh/năm học	10.000đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 - HĐND
3	Tiền chi phí sử dụng điện máy điều hoà lớp học	Đồng/học sinh/tháng		Theo chỉ số công tơ thực tế

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi Kho bạc	Đồng	140.805	

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	42	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	2.919.896.875	
III	Các khoản giảm trừ			
	Số lượng NPT tính giảm trừ			
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		5.544.000.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học			
3	Bảo hiểm được trừ			
V	Thu nhập tính thuế			1

6. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

B	Du toán chi ngân sách nhà nước		
1	Nguồn ngân sách trong nước		

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chu	Đồng	6.828.290.000		
a	Chi thanh toán cá nhân	Đồng	5.613.805.884		
	Mục 6000: Tiền lương	Đồng	2.664.708.556		
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	Đồng	79.673.040		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	Đồng	1.561.350.810		
	Mục 6200: Tiền thưởng	Đồng	19.980.000		
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	Đồng	11.920.000		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	Đồng	728.023.178		
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	Đồng	548.150.300		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	Đồng	1.343.860.000		
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	Đồng	54.824.041		
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	Đồng	92.874.223		
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	Đồng	45.007.134		
	Mục 6650: Hội nghị	Đồng	0		
	Mục 6700: Công tác phí	Đồng	15.100.000		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	Đồng	110.116.654		
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ' kinh phí thường xuyên	Đồng	398.118.440		
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	Đồng	0		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	Đồng	357.028.624		
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	Đồng	0		
	Tiểu mục 7053: Mua , bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	Đồng			
d	Các khoản chi khác		141.345.000		
	Mục 7756: Chi các khoản phí và lệ phí	Đồng	2.390.000		
	Mục 7750: Chi các khoản khác	Đồng	138.955.000		
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		480.309.492		
a	Chi thanh toán cá nhân	Đồng	308.762.300		

	Mục 6100: Phụ cấp lương	Đồng	242.302.300	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học	Đồng	66.460.000	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	Đồng	167.688.256	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công	Đồng	87.656	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	Đồng	8.764.200	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	Đồng	42.002.000	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	Đồng	94.120.000	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	Đồng	22.714.400	
c	Các khoản chi khác	Đồng	3.858.936	
	Mục 7750: Chi khác	Đồng	3.858.936	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Kế hoạch triển khai theo chương trình Giáo dục Stem:

100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, cuối năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và tham gia trưng bày sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp thị xã.

Các hoạt động trải nghiệm được thực hiện tốt, học sinh tham gia đầy đủ, hiệu quả.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm học 2024-2025 {Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo} của trường Tiểu học An Sinh.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Nhung

